

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân,
Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân,
Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân
phường Kim Trà khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG KIM TRÀ
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 02**

Căn cứ Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 01 tháng 7 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết 594/NQ-UBNVQH ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 33/TTr-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân phường Kim Trà về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường Kim Trà khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường và cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Kim Trà khóa I, kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký. *cs*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND, UBND thành phố;
- TV ĐU, UBND, UBMTTQVN phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phường;
- VP: LD + CV;
- Lưu: VT. *ph*



CHỦ TỊCH

Châu Viết Thành

QUY CHẾ LÀM VIỆC

Của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường Kim Trà khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Kim Trà)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về trách nhiệm, quyền hạn, chế độ làm việc, các mối quan hệ công tác và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND) phường, Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND phường, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND phường Kim Trà khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Các nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với HĐND, Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND phường khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc làm việc

Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐND phường

1. HĐND phường gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở địa giới hành chính, đại biểu HĐND đang thực hiện nhiệm vụ đại biểu, đại biểu HĐND được điều động, bố trí công tác ở địa phương.

2. HĐND phường là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

3. HĐND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐND phường

1. Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực HĐND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025.

3. Thường trực HĐND phường có nhiệm vụ xây dựng dự kiến chương trình kỳ họp HĐND phường trên cơ sở nghị quyết của HĐND phường và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND), Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND phường để trình HĐND phường

xem xét, quyết định tại phiên họp trừ bị trước mỗi kỳ họp của HĐND phường.

4. Thường trực HĐND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025.

5. Thường trực HĐND phường có nhiệm vụ xây dựng dự kiến chương trình kỳ họp HĐND phường trên cơ sở nghị quyết của HĐND phường và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND), Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND phường để trình HĐND phường xem xét, quyết định tại phiên họp trừ bị trước mỗi kỳ họp của HĐND phường.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn các Ban của HĐND phường

1. Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân, giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

2. Ban của HĐND phường phụ trách lĩnh vực và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 3, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Tổ đại biểu HĐND phường

Các Tổ đại biểu HĐND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND phường

1. Đại biểu HĐND phường là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

2. Đại biểu HĐND phường thực hiện trách nhiệm theo quy định tại các Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025.

Chương II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Mục 1

KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 9. Chương trình kỳ họp HĐND phường

1. HĐND họp mỗi năm ít nhất hai kỳ. HĐND quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của HĐND đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực HĐND.

2. Quy định về tổ chức kỳ họp HĐND phường thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

3. Hội đồng nhân dân họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

4. Chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân phường xem xét, thông qua tại kỳ họp theo trình tự sau:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân trình bày dự kiến chương trình kỳ họp trước Hội đồng nhân dân phường;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân phường thảo luận, cho ý kiến về dự kiến chương trình kỳ họp;

c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường kết luận;

d) Hội đồng nhân dân phường biểu quyết thông qua dự kiến chương trình kỳ họp

Điều 10. Phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân phường

1. Hội đồng nhân dân phường nghe trình bày về các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết; thảo luận và quyết định các vấn đề trong chương trình kỳ họp tại phiên họp toàn thể.

Để tiết kiệm thời gian của kỳ họp, tại Hội nghị liên tịch trước kỳ họp giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các ngành có liên quan sẽ thống nhất những văn bản trình bày tóm tắt hoặc không trình bày tại kỳ họp; văn bản gửi đại biểu tự nghiên cứu có giá trị pháp lý như văn bản trình bày tại kỳ họp.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường chủ tọa các phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân phường. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường trong việc điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường.

Điều 11. Tiến hành thảo luận

1. Nội dung thảo luận: Các đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu tham dự kỳ họp thảo luận các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các cơ quan, tổ chức trình tại kỳ họp.

Căn cứ yêu cầu nội dung cần thảo luận và thời gian kỳ họp, chủ tọa kỳ họp quyết định tổ chức thảo luận: Thảo luận thảo luận tại phiên họp toàn thể và thảo luận theo tổ đại biểu.

2. Tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân phường, Chủ tọa phiên họp điều hành việc thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường. Việc thảo luận được tiến hành như sau:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân phường đăng ký phát biểu; Chủ tọa phiên họp mời từng đại biểu phát biểu;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân phường phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, không phát biểu quá 02 lần về cùng một vấn đề. Trường hợp Hội đồng nhân dân phường cần thảo luận thêm thì thời gian và số lần phát biểu do Chủ tọa phiên họp quyết định;

c) Trong quá trình thảo luận, Chủ tọa kỳ họp có thể nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định. Khi cần thiết, Hội đồng nhân dân phường yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo giải trình về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân phường quan tâm. Chủ tọa kỳ họp hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân phường có thể đề nghị kết thúc việc thảo luận; khi vấn đề được nêu ra để lấy biểu quyết thì việc thảo luận kết thúc.

d) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân phường đã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết thì ghi lại ý kiến của mình và gửi Thư ký kỳ họp để tổng hợp.

3. Thảo luận tại Tổ: Chủ tọa kỳ họp phân chia Tổ đại biểu Hội đồng nhân

dân phường và cử Tổ trưởng điều hành thảo luận. Khi tham gia thảo luận tại tổ, đại biểu Hội đồng nhân dân phát biểu ý kiến về những vấn đề cần tập trung thảo luận và các vấn đề khác của dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và các nội dung khác được đưa ra thảo luận.

Thư ký các tổ ghi chép, tổng hợp đầy đủ ý kiến, gửi Thư ký kỳ họp để tổng hợp, trình Chủ tọa kỳ họp báo cáo tại phiên họp toàn thể.

4. Kết thúc phần thảo luận, Thư ký kỳ họp tổng hợp các ý kiến thảo luận, chuyển Chủ tọa kỳ họp để tổng kết việc thảo luận. Khi cần thiết, Chủ tọa kỳ họp có thể lấy ý kiến biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với từng vấn đề cụ thể.

Điều 12. Chất vấn tại phiên họp toàn thể

1. Phiên họp chất vấn được tiến hành theo quy định Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Nghị quyết 594/NQ-UBNVQH ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân và quy định tại nội quy này.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân phường.

3. Trước thời gian khai mạc kỳ họp và phiên họp chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân chuẩn bị câu hỏi chất vấn và gửi câu hỏi chất vấn đến Thường trực Hội đồng nhân dân phường để Thường trực Hội đồng nhân dân chuyển câu hỏi chất vấn đến cá nhân, tổ chức có trách nhiệm trả lời chất vấn, thời gian trước 02 ngày. Vào đầu phiên họp chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo với Hội đồng nhân dân các nội dung câu hỏi chất vấn đã nhận được và thông qua ý kiến Hội đồng nhân dân để quyết định những nội dung chất vấn phải trả lời trực tiếp tại phiên họp; các nội dung chất vấn còn lại có thể trả lời bằng văn bản tại kỳ họp, sau kỳ họp hoặc phải xác minh, xem xét thêm để trả lời vào kỳ họp tiếp sau.

4. Người bị chất vấn phải trả lời trước Hội đồng nhân dân tại kỳ họp đó; các chất vấn đối với Ủy ban nhân dân thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên Ủy ban nhân dân phường phụ trách lĩnh vực liên quan trực tiếp trả lời chất vấn.

5. Việc trả lời chất vấn tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân được thực hiện theo trình tự sau đây:

- a) Chủ tọa phiên họp nêu những vấn đề chất vấn và thứ tự trả lời chất vấn.
- b) Người chịu trách nhiệm trả lời chất vấn trình bày ý kiến trả lời trực tiếp, đầy đủ các nội dung mà đại biểu Hội đồng nhân dân đã chất vấn, xác định rõ trách nhiệm và biện pháp khắc phục.

Thời gian trả lời chất vấn đối với một nội dung không quá 15 phút; trong trường hợp đặc biệt, thời gian trả lời do chủ tọa phiên họp quyết định.

- c) Sau khi nghe trả lời chất vấn về từng nội dung, đại biểu Hội đồng nhân dân có thể phát biểu ý kiến về nội dung trả lời chất vấn và chất vấn thêm những nội dung liên quan đến câu hỏi đã chất vấn.

Nội dung chất vấn phải cụ thể, rõ ý, thời gian cho một lần chất vấn tối đa không quá 03 phút và có thể chất vấn nhiều lần.

- d) Chủ tọa có quyền nhắc trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân phường nêu chất vấn không đúng nội dung phiên chất vấn hoặc quá thời gian quy

định, người bị chất vấn trả lời không đúng trọng tâm chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân phường hoặc quá thời gian quy định. Chủ tọa kỳ họp kết luận phiên chất vấn và trả lời chất vấn. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng nhân dân có thể ra Nghị quyết về nội dung đã chất vấn và trách nhiệm của người bị chất vấn.

6. Trả lời chất vấn bằng văn bản phải được chủ tọa cho phép hoặc trong các trường hợp sau đây:

- a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp;
- b) Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh;
- c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân đã chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn (Điểm c, K4, Đ60 của Luật HD GS của QH và HĐND).

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị Hội đồng nhân dân đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

7. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân phường, người đã trả lời chất vấn của kỳ họp trước có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân (K7, Đ60 của Luật HD GS của QH và HĐND).

Điều 13. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể

1. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân không được biểu quyết thay cho đại biểu Hội đồng nhân dân khác.

2. Hội đồng nhân dân quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

- a) Biểu quyết công khai;
- b) Bỏ phiếu kín;
- c) Biểu quyết trực tuyến bằng hệ thống điện tử.

3. Hội đồng nhân dân phường biểu quyết thông qua Nghị quyết theo trình tự sau đây:

- a) Thư ký kỳ họp đọc dự thảo Nghị quyết;
- b) Đại biểu Hội đồng nhân dân phát biểu ý kiến về các nội dung dự thảo Nghị quyết;
- c) Chủ tọa kỳ họp xin ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân về những nội dung còn có ý kiến khác nhau (nếu có);
- d) Đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua Nghị quyết.

Hội đồng nhân dân có thể biểu quyết về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, sau đó biểu quyết thông qua toàn bộ Nghị quyết.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành; riêng nghị quyết về bãi nhiệm

đại biểu Hội đồng nhân dân được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

Mục 2 **HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT**

Điều 14. Hoạt động giám sát của HĐND phường

1. HĐND phường có thẩm quyền giám sát theo quy định của pháp luật

2. HĐND phường xem xét các báo cáo

a) Tại kỳ họp giữa năm và cuối năm, HĐND phường xem xét các báo cáo quy định tại Điểm a và Điểm c Khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

b) Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, HĐND phường xem xét các báo cáo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. HĐND phường tiến hành chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND phường theo quy định tại Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

HĐND có thể ra nghị quyết về chất vấn. Nội dung nghị quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND phường, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của HĐND về chất vấn và việc thực hiện các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực HĐND phường để chuyển đến các đại biểu HĐND phường.

4. HĐND phường xem xét văn bản quy phạm pháp luật của UBND phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường. Trình tự xem xét văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

5. Giám sát chuyên đề của HĐND phường

a) Căn cứ chương trình giám sát, HĐND phường ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực HĐND phường.

b) Trình tự, thủ tục giám sát chuyên đề của HĐND phường thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) HĐND phường xem xét báo cáo của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất và ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nội dung nghị quyết giám sát chuyên đề theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND. Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

6. HĐND phường lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm, cho thôi giữ

chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND phường bầu theo quy định tại Điều 37 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025; Điều 63, Điều 64 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2016 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương II

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Mục 1

TRÁCH NHIỆM, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 15. Nguyên tắc và chế độ làm việc

1. Thường trực HĐND phường gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên là Trưởng các Ban của HĐND phường.

2. Thường trực HĐND phường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tập thể lãnh đạo và quyết định theo đa số; đồng thời đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Ủy viên Thường trực HĐND phường.

3. Hiệu quả hoạt động của Thường trực HĐND phường được đảm bảo bằng hiệu quả hoạt động của Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND và các Ủy viên của Thường trực HĐND phường; cùng với sự tham gia của các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND phường; sự phối hợp công tác của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 16. Hình thức làm việc

1. Phiên họp của Thường trực HĐND phường;

2. Cuộc họp, hội nghị do Thường trực HĐND phường tổ chức;

3. Cho ý kiến bằng văn bản: Chủ tịch HĐND phường quyết định hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐND việc xin ý kiến thành viên của Thường trực HĐND phường bằng văn bản trình Chủ tịch HĐND phường quyết định.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐND phường

Chủ tịch HĐND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các quy định pháp luật liên quan khác.

Lãnh đạo toàn diện hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND phường; thay mặt Thường trực HĐND phường giữ mối liên hệ với UBND; Thường trực và Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội khác và Nhân dân.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐND phường

Phó Chủ tịch HĐND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các quy định pháp luật liên quan khác.

Phó Chủ tịch HĐND giúp Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch HĐND phường; kịp thời báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch đối với những vấn đề quan trọng cấp bách; thay mặt Chủ tịch HĐND phường giải quyết các công việc của Chủ tịch khi Chủ tịch HĐND phường đi vắng và ủy quyền.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên Thường trực HĐND phường

Các Ủy viên Thường trực HĐND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các quy định pháp luật liên quan khác.

Các Ủy viên của Thường trực HĐND phường chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND trước HĐND phường; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND phường về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND phường phân công. Chấp hành sự phân công, điều hành của Chủ tịch HĐND phường và Thường trực HĐND phường về các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao. Tham gia các phiên họp, thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND phường.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 20. Phiên họp của Thường trực HĐND phường

1. Phiên họp Thường trực HĐND phường là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực HĐND phường. Tại phiên họp, Thường trực HĐND thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐND phường họp mỗi tháng một lần. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực HĐND phường có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND phường. Phiên họp Thường trực HĐND phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực HĐND phường tham dự.

3. Chủ tịch HĐND quyết định thời gian, chương trình và chủ tọa phiên họp Thường trực HĐND. Phó chủ tịch HĐND chịu trách nhiệm chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung họp và được Chủ tịch ủy quyền chủ tọa phiên họp nếu Chủ tịch vắng mặt.

4. Thành viên Thường trực HĐND phường trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch HĐND phường xem xét, quyết định.

5. Đại diện lãnh đạo UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường được mời tham dự phiên họp Thường trực HĐND phường.

6. Đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực HĐND khi bàn về các vấn đề liên quan.

7. UBND, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, các Ban HĐND và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, tờ trình, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực HĐND phường hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

8. Việc chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực HĐND phường trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND phường được tiến hành

theo trình tự quy định tại Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản liên quan khác.

9. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND phường theo quy định tại Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản liên quan khác.

10. Thường trực HĐND phường họp công khai, trường hợp Thường trực HĐND phường họp riêng do Chủ tịch HĐND phường quyết định.

11. Tại phiên họp, các quyết định của Thường trực HĐND phường phải được quá nửa số thành viên Thường trực HĐND phường nhất trí thông qua (riêng công tác tổ chức, cán bộ phải thực hiện bỏ phiếu kín theo quy định). Trường hợp số tán thành và số không tán thành ngang nhau thì quyết định theo phần biểu quyết có ý kiến của Chủ tịch HĐND phường.

Điều 21. Hợp nghị liên tịch

1. Trước khi tổ chức kỳ họp thường lệ của HĐND thì TT. HĐND phường chủ trì tổ chức hội nghị liên tịch để bàn và thống nhất với UBND, UBMT phường các nội dung liên quan chuẩn bị cho kỳ họp.

2. Thành phần gồm có: TT.HĐND phường; Đại diện lãnh đạo UBND, UBMT phường; Đại diện lãnh đạo các phòng chuyên môn của UBND phường; Văn phòng HĐND và UBND phường; và có thể mời thêm các thành phần khác theo yêu cầu của Thường trực HĐND phường.

3. Tổ chức hội nghị liên tịch chậm nhất trước 30 ngày tổ chức kỳ họp thường lệ. Sau hội nghị, UBND và UBMT phường gửi văn bản đã thống nhất đến TT.HĐND phường chậm nhất trước 10 ngày diễn ra kỳ họp.

4. Các Ban của HĐND phường thẩm tra các báo cáo, tờ trình, đề án, dự thảo Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ và phân công của Thường trực HĐND phường.

5. Văn phòng HĐND và UBND chuẩn bị các điều kiện cho kỳ họp; chuyển văn bản, tài liệu cho đại biểu tham dự họp chậm nhất trước tổ chức kỳ họp 03 ngày.

Điều 22. Hồ sơ, tài liệu phiên họp

1. Chủ tịch HĐND phường quyết định các tài liệu lưu hành tại phiên họp theo đề nghị của Chánh văn phòng HĐND và UBND phường.

2. Các cơ quan, tổ chức hữu quan chuẩn bị tờ trình, dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung, chương trình phiên họp phải gửi bản điện tử và bản in đến Văn phòng HĐND và UBND phường để tập hợp hồ sơ phục vụ phiên họp đảm bảo theo yêu cầu.

3. Tài liệu phiên họp được gửi cho các thành viên Thường trực HĐND phường và khách mời thông qua HUES.

4. Thành viên Thường trực HĐND phường và đại biểu tham dự phiên họp có trách nhiệm bảo quản và sử dụng tài liệu cuộc họp theo quy định của pháp luật. Tài liệu họp Thường trực HĐND phường được lưu trữ theo quy định.

Điều 23. Chủ tọa phiên họp

1. Chủ tịch HĐND phường chủ tọa, phát biểu khai mạc, bế mạc và điều hành phiên họp Thường trực HĐND; trong trường hợp Chủ tịch HĐND phường vắng mặt, Phó Chủ tịch HĐND phường chủ tọa phiên họp theo sự ủy quyền của

Chủ tịch HĐND phường.

2. Chủ tọa phiên họp có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Xác định tính hợp lệ của tài liệu phiên họp trên cơ sở thành phần tham dự phiên họp, nội dung hồ sơ, tài liệu trình Thường trực HĐND phường;

b) Xác định nội dung đề nghị Thường trực HĐND phường tập trung thảo luận;

c) Mời thành viên của Thường trực HĐND phường phát biểu ý kiến theo thứ tự hoặc mời đại biểu dự họp phát biểu;

d) Quyết định kéo dài hoặc rút ngắn thời gian thảo luận của phiên họp;

đ) Tổng hợp các ý kiến phát biểu, trong trường hợp cần thiết đề nghị Thường trực HĐND phường biểu quyết về các nội dung, vấn đề thuộc chương trình phiên họp;

e) Ký biên bản phiên họp.

Điều 24. Báo cáo tại phiên họp

1. UBND, các Ban của HĐND phường, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã và các cơ quan, tổ chức hữu quan trình tờ trình, dự án, đề án, báo cáo trực tiếp với Thường trực HĐND phường tại phiên họp. Trường hợp đặc biệt, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho cấp phó báo cáo thay và phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐND phường.

2. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình tờ trình, dự án, đề án, báo cáo tại phiên họp trình bày trong thời gian không quá 10 phút. Căn cứ nội dung và tình hình thực tế, Chủ tọa phiên họp quyết định tăng, giảm thời gian trình bày hoặc yêu cầu báo cáo, giải trình thêm.

3. Trên cơ sở phân công nhiệm vụ của Thường trực HĐND, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Thường trực HĐND phường quyết định việc tổ chức thực hiện các nội dung công việc theo thẩm quyền đã được phân công và báo cáo Thường trực HĐND phường tại phiên họp.

Điều 25. Biểu quyết tại phiên họp Thường trực HĐND phường

1. Thường trực HĐND phường quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau:

a) Bỏ phiếu kín;

b) Công khai bằng giơ tay.

2. Nghị quyết, Kết luận của Thường trực HĐND phường được thông qua khi có quá nửa số thành viên Thường trực HĐND phường biểu quyết tán thành. Trường hợp kết quả biểu quyết tán thành và không tán thành bằng nhau thì theo kết quả biểu quyết của Chủ tịch HĐND phường.

Điều 26. Ban hành Nghị quyết, Kết luận của Thường trực HĐND phường

1. Căn cứ ý kiến thảo luận và phát biểu tổng hợp của Chủ tọa, Văn phòng HĐND và UBND phường chuẩn bị dự thảo kết luận, thông báo của Thường trực HĐND phường về nội dung được giao phụ trách, xin ý kiến các thành viên Thường trực HĐND và trình Chủ tọa phiên họp quyết định.

2. Tùy tính chất, nội dung phiên họp, Thường trực HĐND phường ban hành Nghị quyết, Kết luận hoặc các văn bản hành chính khác về nội dung phiên họp để thông báo kịp thời đến thành viên Thường trực HĐND, các Ban HĐND phường,

UBND phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức, cá nhân liên quan. Trường hợp cơ quan trình dự án, đề án, báo cáo có ý kiến khác với kết luận, thông báo của Thường trực HĐND phường phải báo cáo Thường trực HĐND bằng văn bản.

Điều 27. Biên bản phiên họp

1. Phiên họp Thường trực HĐND phường phải được ghi biên bản. Biên bản phiên họp phải ghi đầy đủ diễn biến của phiên họp, ý kiến phát biểu, kết luận, kết quả biểu quyết của Thường trực HĐND phường; có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký phiên họp.

2. Giao Văn phòng HĐND và UBND phường chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ Thư ký phiên họp Thường trực HĐND phường.

Điều 28. Xử lý các vấn đề cấp bách, khi không thể hoặc không cần thiết triệu tập phiên họp

Đối với những vấn đề cấp bách hoặc khi không thể triệu tập họp hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận, biểu quyết tại phiên họp của Thường trực HĐND thị xã, Chủ tịch HĐND phường quyết định việc xin ý kiến của các thành viên về nội dung thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND phường.

Việc xin ý kiến có thể gửi trực tiếp bằng bản giấy hoặc thư điện tử đến các thành viên Thường trực HĐND phường. Khi nhận được nội dung xin ý kiến, các thành viên phải nghiên cứu, cho ý kiến và gửi lại theo đúng thời hạn đã quy định. Văn phòng HĐND và UBND phường chịu trách nhiệm tổng hợp các ý kiến tham gia, dự thảo kết luận báo cáo Chủ tịch HĐND phường quyết định.

Điều 29. Dự kiến chương trình kỳ họp, chuẩn bị nội dung kỳ họp HĐND phường

1. Căn cứ vào Nghị quyết của HĐND, theo đề nghị của Chủ tịch UBND, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các Ban HĐND và đại biểu HĐND phường, Thường trực HĐND phường dự kiến chương trình kỳ họp HĐND phường.

2. Để chuẩn bị nội dung cho kỳ họp HĐND phường, Thường trực HĐND có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Chủ trì, phối hợp với UBND phường chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp; xem xét đề nghị về xây dựng nghị quyết, phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết và quyết định thời hạn trình HĐND phường dự thảo nghị quyết;

b) Quyết định triệu tập kỳ họp HĐND phường, công bố dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp;

c) Chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương để báo cáo tại kỳ họp;

d) Quyết định việc trình các dự thảo nghị quyết của HĐND phường;

đ) Đôn đốc các cơ quan, tổ chức hữu quan gửi tài liệu kỳ họp đúng thời gian do pháp luật quy định.

Điều 30. Triệu tập kỳ họp HĐND phường

1. Thường trực HĐND quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 10 ngày, kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Dự kiến chương trình kỳ họp phải được gửi đến đại biểu HĐND phường

cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

3. Quyết định triệu tập kỳ họp và dự kiến chương trình kỳ họp HĐND được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

Điều 31. Chủ tọa kỳ họp HĐND

1. Trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp HĐND thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025.

2. Chủ tịch HĐND là chủ tọa kỳ họp HĐND phường; Phó Chủ tịch HĐND giúp Chủ tịch HĐND điều hành phiên họp HĐND phường theo sự phân công của Chủ tịch HĐND phường. Khi chủ tọa kỳ họp, phiên họp HĐND phường, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND phường có những nhiệm vụ, quyền hạn:

- a) Điều hành phiên họp theo chương trình đã được HĐND thông qua;
- b) Dự kiến các vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp của HĐND hoặc cuộc họp Tổ đại biểu HĐND phường;
- c) Bảo đảm thảo luận dân chủ, bình đẳng, tạo điều kiện để đại biểu đóng góp ý kiến; dành thời gian thỏa đáng cho hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp;
- d) Chỉ đạo việc tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu tại phiên họp HĐND phường và tại cuộc họp Tổ đại biểu HĐND phường;
- đ) Chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến của đại biểu và chỉnh lý dự thảo nghị quyết, đề án;
- e) Điều hành để HĐND phường biểu quyết thông qua nghị quyết, báo cáo, đề án.

Điều 32. Báo cáo của Thường trực HĐND phường

Thường trực HĐND phường có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động của HĐND phường lên Thường trực HĐND, UBND thành phố; báo cáo công tác của HĐND phường trong các kỳ họp thường lệ, kỳ họp chuyên đề (nếu có yêu cầu). Có trách nhiệm giữ mối quan hệ và phối hợp công tác với các Ban của HĐND thành phố, các Đoàn giám sát, làm việc của Thường trực HĐND thành phố và Tổ đại biểu HĐND thành phố bầu tại địa phương.

Điều 33. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND phường

1. Thường trực HĐND phường có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Thường trực HĐND phường thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Thường trực HĐND phường quyết định chương trình giám sát hàng năm của Thường trực HĐND theo quy định tại Điều 67 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Thường trực HĐND phường xem xét quyết định của UBND phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 68 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

5. Thường trực HĐND phường tiến hành chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại phiên họp của Thường trực HĐND trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND phường theo quy định tại Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

6. Giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND phường

- a) Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND phường quyết

định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề.

b) Việc thành lập Đoàn giám sát, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát, việc báo cáo và xem xét báo cáo của Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND phường thực hiện theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) Sau khi xem xét báo cáo của Đoàn giám sát, Thường trực HĐND phường kết luận về nội dung giám sát. Kết luận của Thường trực HĐND phường được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

d) Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND phường đề nghị HĐND phường xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

đ) Thường trực HĐND phường có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và báo cáo HĐND phường về hoạt động giám sát của mình.

7. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND phường

a) Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND yêu cầu thành viên của UBND giải trình và yêu cầu cá nhân có liên quan tham gia giải trình về những vấn đề mà Thường trực HĐND phường quan tâm. Việc tổ chức giải trình, nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình và người được yêu cầu giải trình do Thường trực HĐND quyết định.

b) Người được yêu cầu có trách nhiệm báo cáo, giải trình theo yêu cầu của Thường trực HĐND.

c) Nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND được thông báo cho cá nhân được yêu cầu giải trình chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình. Phiên giải trình được tổ chức công khai, trừ trường hợp do Thường trực HĐND quyết định.

d) Trình tự phiên giải trình thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

đ) Kết thúc phiên giải trình, Thường trực HĐND xem xét, thông qua kết luận về vấn đề được giải trình. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực HĐND phường.

8. Thường trực HĐND phường giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 73 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

9. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

a) Thường trực HĐND phường có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND phường.

b) UBND phường báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri. Báo cáo của UBND về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban của HĐND phường thẩm tra theo sự phân công của Thường trực HĐND phường.

c) Trình tự xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

d) Thường trực HĐND phường chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả

giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND phường.

Điều 34. Tiếp công dân của Thường trực HĐND phường

Thường trực HĐND phường có trách nhiệm tổ chức để đại biểu HĐND phường tiếp công dân theo quy định tại khoản 6, Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Tiếp công dân và các văn bản pháp luật có liên quan.

**Chương IV
CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG**

Điều 35. Nguyên tắc hoạt động, chế độ và hình thức làm việc

1. Hoạt động của Ban của HĐND phường được thực hiện thông qua phiên họp toàn thể, các hoạt động giám sát, khảo sát, thăm tra, giải trình và các hoạt động khác theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Các Ban của HĐND phường hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; các kết luận quan trọng của Ban được thông qua khi có quá nửa số thành viên Ban đồng ý.

2. Đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong mọi hoạt động theo theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Điều 36. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân phường

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban được quy định của luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản quy định liên quan.

2. Phụ trách chung, điều hành công việc của Ban và chịu trách nhiệm trước HĐND, Thường trực HĐND phường về hoạt động của Ban.

3. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể cho Phó Trưởng ban và các Ủy viên của Ban để đảm bảo hoạt động của Ban được thường xuyên, hiệu quả, đúng quy định của luật.

Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban chuyên trách Hội đồng nhân dân phường

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND phường theo quy định của luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản quy định liên quan.

2. Phó Trưởng Ban được Trưởng ban phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể Ban và Trưởng ban; đồng thời cùng các Ủy viên khác của Ban chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ban trước HĐND, Thường trực HĐND phường.

Điều 38. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân phường

1. Thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND phường theo quy định của luật và các văn bản có liên quan.

2. Được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung hoạt động, lĩnh

vực. Thực hiện nhiệm vụ được phân công theo chương trình, kế hoạch công tác của Ban của HĐND phường và Trưởng ban của HĐND phường.

Điều 39. Hoạt động giám sát của Ban của HĐND phường

1. Ban của HĐND phường có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.
2. Ban của HĐND phường thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 76 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.
3. Ban của HĐND phường lập chương trình giám sát của Ban theo quy định tại Điều 77 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.
4. Ban của HĐND phường thực hiện giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 và Điều 79 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.
5. Ban của HĐND phường thực hiện giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 80 và Điều 81 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.
6. Ban của HĐND phường giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Điều 40. Hoạt động thẩm tra của Ban của HĐND phường

Ban của HĐND phường thực hiện thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án theo quy định tại khoản 3, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Điều 78 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Chương V

TỔ ĐẠI BIỂU, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 41. Hoạt động của các Tổ đại biểu HĐND phường

1. Tổ đại biểu HĐND phường tổ chức cho các đại biểu HĐND phường tiếp xúc cử tri theo kế hoạch của Thường trực HĐND phường, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi về Thường trực phường; tổ chức cho đại biểu HĐND phường nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến thảo luận tại kỳ họp HĐND phường. Tổ đại biểu HĐND kiến nghị nội dung giám sát của HĐND phường với Thường trực HĐND phường để đề nghị HĐND phường quyết định.
2. Tổ đại biểu HĐND phường có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Khoản 2 Điều 83 và Điều 86 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Điều 42. Hoạt động của đại biểu HĐND phường

1. Đại biểu HĐND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.
2. Đại biểu HĐND phường có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điều 83,84,85,86,87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Chương VI

QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 43. Trách nhiệm của UBND phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đối với hoạt động của HĐND phường

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghị quyết của HĐND phường.

2. UBND phường báo cáo HĐND, Thường trực HĐND phường về các nội dung thuộc trách nhiệm của UBND phường; cung cấp thông tin cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND theo quy định của pháp luật.

3. UBND phường xây dựng, trình Hội đồng nhân dân phường các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường.

4. UBND phường có trách nhiệm phối hợp với Thường trực HĐND phường trong việc chuẩn bị kỳ họp HĐND phường; chỉ đạo các cơ quan thuộc UBND phường chuẩn bị các nội dung được dự kiến trong chương trình kỳ họp HĐND phường; thực hiện các thủ tục và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình Thường trực HĐND phường xem xét, quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND phường.

5. Cơ quan trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình HĐND phường có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục và thời hạn xây dựng dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án để trình HĐND phường theo đúng quy định của pháp luật.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời; đáp ứng các yêu cầu phục vụ hoạt động giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND phường; nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết giám sát của HĐND, thực hiện kết luận, kiến nghị của Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND phường và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ tiếp theo của HĐND phường.

7. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giám sát của HĐND cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND phường theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu cho Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND phường khi được yêu cầu, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước mà pháp luật quy định không được phép cung cấp.

8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ tiếp theo của HĐND thị xã.

Điều 44. Quan hệ công tác giữa HĐND phường với Đảng ủy

1. Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của HĐND phường. HĐND phường báo cáo Đảng ủy về kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ thuộc thẩm quyền của HĐND phường; báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND phường bầu và báo cáo về những hoạt động quan trọng của HĐND phường.

2. Thông qua hoạt động của mình, HĐND phường kiến nghị với Đảng ủy về những nội dung quan trọng cần lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết của Đảng ủy về phát triển kinh tế - xã hội và các nội dung liên quan đến công tác cán bộ.

Điều 45. Quan hệ công tác giữa HĐND phường với UBND phường và các cơ quan nhà nước trên địa bàn

1. UBND phường mời Thường trực HĐND phường tham dự phiên họp của UBND phường và cử người tham gia vào các hoạt động của HĐND phường khi có yêu cầu.

2. Thành viên Ủy ban nhân dân, Đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị cùng cấp không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân, tham gia hoạt động của Thường trực HĐND, Ban của HĐND phường khi được mời; mời Thường trực HĐND, Ban của HĐND phụ trách lĩnh vực dự hội nghị tổng kết và một số hoạt động trọng tâm của ngành để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

Điều 46. Quan hệ công tác giữa HĐND phường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

1. Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường được mời tham dự các kỳ họp HĐND phường. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của HĐND phường.

2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường mời Thường trực HĐND và Ban của HĐND phường tham dự một số hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

3. HĐND phường thực hiện chế độ gửi thông báo, nghị quyết của HĐND phường tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

4. Thường trực HĐND phường phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức cho các đại biểu HĐND phường tiếp xúc cử tri, tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

5. HĐND phường có trách nhiệm lắng nghe, giải quyết và trả lời theo thẩm quyền các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội của phường.

Chương VII

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 47. Cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐND phường

1. Văn phòng HĐND – UBND phường là cơ quan tham mưu, giúp việc và phục vụ các hoạt động của HĐND phường.

2. HĐND phường, Thường trực HĐND phường và các Ban của HĐND phường được sử dụng con dấu của HĐND phường.

Điều 48. Kinh phí hoạt động của HĐND phường do ngân sách địa phương

đảm bảo. Hàng năm, Thường trực HĐND phường trình HĐND phường quyết định theo quy định hiện hành.

Điều 49. Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu HĐND phường

Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu HĐND phường, Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND và nghị quyết của HĐND thành phố quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp.

**Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 50. Tổ chức thực hiện

1. HĐND phường, Thường trực HĐND phường, các Ban HĐND phường, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND phường; UBND phường và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Giao Thường trực HĐND phường thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và tình hình thực tế, đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để trình HĐND phường xem xét, quyết định./.

HĐND PHƯỜNG KIM TRÀ